

Bản án số: 21/2019/HSST

Ngày 13-03-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tòng.

Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Tiến;

Bà Phạm Hồng Thiêm.

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Long- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2019 đối với các bị cáo:

1). Tạ Văn Đ1, sinh ngày 25-05-1979; Nơi sinh: Xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn N1, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Tạ Minh X1, họ tên mẹ: Vũ Thị N2; Họ tên vợ: Vũ Thị T3; có 03 con (Con lớn sinh năm 2004; con nhỏ sinh năm 2013). Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 1454 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 30/12/2018. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29-12-2018; bị tạm giam từ ngày 01-01-2019; hiện bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ thuộc Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; có mặt.

2). Lê Hồng D1, sinh ngày 23-11-1992; Nơi sinh: Xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn L1, xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Lê Hồng V1 (đã chết); họ tên mẹ: Đoàn Thị L1; Họ tên vợ: Đỗ Thị Y1; có 01 con sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 1332 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 26- 05-2018. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25-05-2018 đến ngày 31-05-2018, được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

3). Trần Viết N2, (Tên gọi khác: Đ2), sinh ngày 06- 02- 1967; Nơi sinh: Xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn H1, xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Trần Viết P1;

họ tên mẹ: Giang Thị D2; Họ tên vợ: Nguyễn Thị P1; có 02 con (Con lớn sinh năm 1992; con nhỏ sinh năm 1994). Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 1334 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 26-05-2018. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25-05-2018 đến ngày 31-05-2018 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

4). Ngô Xuân D3, sinh ngày 08-01-1975; Nơi sinh: Xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn L1, xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Ngô Thế K1 (đã chết); họ tên mẹ: Nguyễn Thị N3 (đã chết); Họ tên vợ: Phạm Thị C1; có 02 con (Con lớn sinh năm 2000; con nhỏ sinh năm 2004); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 1333 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 26- 05- 2018. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25-05-2018 đến ngày 31-05-2018 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

5). Nguyễn Minh D4, sinh ngày 30- 09- 1988; Nơi sinh: Xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn H1, xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Nguyễn Quang T4; họ tên mẹ: Nguyễn Thị R1; chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Danh chỉ bản số 1331 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 26- 05- 2018. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25-05-2018 đến ngày 31-05-2018 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

6). Nguyễn Văn D5, sinh ngày 22- 10- 1994; Nơi sinh: Xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn L1, xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Nguyễn Văn D6; họ tên mẹ: Phạm Thị L2; Họ tên vợ: Bùi Thị A1; có 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 1330 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 26- 05- 2018. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25-05-2018 đến ngày 31-05-2018 được thay thế bằng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

7). Nguyễn Văn B1, sinh ngày 02- 03- 1948; Nơi sinh: Xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn L1, xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 04/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Nguyễn Văn C1 (đã chết); họ tên mẹ: Ngô Thị N3 (đã chết); Họ tên vợ: Tạ Thị L3; có 04 con (Con lớn sinh năm 1974; con nhỏ sinh năm 1982); Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 1340 do Công an huyện Thái Thụy lập ngày 26- 05- 2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

8). Bùi Quang L4, sinh ngày 10- 01- 1942; Nơi sinh: Xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Nơi cư trú: Thôn L1, xã M1, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 03/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Họ tên bố: Bùi Văn L5 (đã chết); họ tên mẹ: Ngô Thị N5 (đã chết); Họ tên vợ: Phạm Thị A2; có 01 con nuôi sinh năm 1982; Tiền án, tiền sự: Không; Danh chỉ bản số 1340 do Công an huyện

Thái Thụy lập ngày 26- 05- 2018. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; hiện tại ngoại; có mặt.

Người có quyền lợi liên quan : Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1940; Nơi cư trú: Thôn L1, xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng:

1). Ông Nguyễn Trường B2, sinh năm 1955; Nơi cư trú: Thôn L1, xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

2). Anh Vũ Xuân M2, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Thôn L1, xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi chiều ngày 25-05-2018, khi mọi người gặp nhau tại nhà ông T5 ở thôn L1, xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình thì bị cáo Đ1 rủ đánh bạc thì được các bị cáo D1, N2, D3, D4 đồng ý. Bị cáo Đ1 dùng kéo cắt 04 quân vị rồi cả bọn đi đến nhà bà T4 ở cùng thôn để đánh bạc. Mặc dù nhà bà T4 không có người ở nhà nhưng do cửa không khóa nên các bị cáo đã vào nhà bà đánh bạc. Hình thức đánh bạc là xóc đĩa; dụng cụ đánh bạc gồm: 01 bát, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân vị hình tròn bằng nhau, có hai màu khác nhau. Những người tham gia đánh bạc gồm: 01 người cầm cái (gọi là nhà cái) và những người chơi bạc (gọi là con bạc); các con bạc phân định thắng thua với nhà cái bằng cách xác định “chẵn”, “lẻ”; nhà cái là người thu tiền của người thua, trả tiền cho người thắng, được hưởng hoặc phải bù phần chênh lệch; số tiền thắng thua của từng người bằng đúng số tiền đã đặt cược. Phương thức đánh bạc là nhà cái cho 4 quân vị vào đĩa, dùng bát úp kín rồi xóc lên, xóc xuống nhiều lần, đặt xuống chiếu. Các con bạc đặt tiền vào “cửa chẵn” hoặc “cửa lẻ” tùy ý, mức đặt cược của mỗi người một ván từ 10.000, đồng đến 100.000 đồng. Nhóm đánh bạc ban đầu có: Bị cáo Đ1, bị cáo D1, bị cáo D3, bị cáo N2; bị cáo D4. Các bị cáo đánh bạc được một thời gian thì Giang Văn D7 đến cùng tham gia đánh bạc; nhóm cuối cùng tham gia đánh bạc là bị cáo B1, bị cáo L4, bị cáo D5. Bị cáo Đ1 cầm cái từ đầu đến 17 giờ thì chuyển bị cáo D1 cầm cái đến khi bị bắt. Số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc: Bị cáo Đ1: 560.000 đồng, bị cáo D1: 700.000 đồng; bị cáo N2: 500.000, đồng; bị cáo D4: 500.000, đồng; bị cáo D3: 250.000, đồng; bị cáo D5: 500.000 đồng; bị cáo L4: 20.000 đồng; bị cáo B1: 15.000 đồng. Hồi 17 giờ 30 phút, trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện Thái Thụy bắt quả tang; thu giữ trên chiếu bạc 5.070.000 đồng. Công an huyện Thái Thụy đã lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng và tiền trên chiếu bạc. Sau khi phạm tội, bị cáo Đ1 bỏ trốn, đến ngày 28-12-2018 ra đầu thú.

Các chứng cứ chứng minh: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện Thái Thụy lập hồi 17 giờ 45 phút ngày 25-05-2018; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; Bản ảnh hiện trường; Các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; các bản vẽ vị trí ngồi đánh bạc của các bị cáo; Lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Trường B2, anh Vũ Xuân M2 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Các vật chứng, tài sản thu giữ : Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 5.070.000đồng trên chiếu bạc; đã thu giữ công cụ đánh bạc là 01 đĩa sù, 01 bát sù, 04 quân vị. Cơ quan điều tra còn thu giữ từ Cơ quan điều tra thu giữ từ bị cáo D1: 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh, 01 điện thoại di động Lenovo màu đen, 01 ví da màu nâu, 5.000đồng; 01 xe mô tô Exceiter biển kiểm soát 17B6- 11897; thu giữ từ bị cáo N2: 01 điện thoại di động SAMSUNG và 01 ví da màu nâu; thu giữ từ bị cáo D3: 01 điện thoại di động SAMSUNG màu trắng; thu giữ từ bị cáo D4: 01 điện thoại di động Oppo, 01 ví da màu đen; thu giữ từ bị cáo D5: 02 chiếc điện thoại di động đều là Iphone 6 Plus màu vàng, 01 ví da màu đen, 27.000đồng và 01 xe mô tô SH loại 150i biển kiểm soát 17B6- 13333; thu giữ từ ông B2: 01 điện thoại di động NOKIA bàn phím.

Tại phiên tòa, các bị cáo Đ1, D1, N2, D3, D4, B1, D5, L4 đều trình bày: Chiều ngày 25-05-2018, tại nhà bà T4, các bị cáo đã đánh bạc với hình thức xóc đĩa trong khi bà T4 không ở nhà. Lúc đầu, có bị cáo Đ1, bị cáo D1, bị cáo N2, D3, bị cáo D4 tham gia đánh bạc; sau này có Giang Văn D7, các bị cáo B1, D5, L4 là những người đến sau cũng tham gia đánh bạc. Người cầm cái lúc đầu là bị cáo Đ1; sau đó là bị cáo D1. Bị cáo Đ1 sử dụng 560.000đồng để đánh bạc, bị cáo về trước, khi ra về bị cáo thắng được số tiền 270.000đồng. Số tiền các bị cáo khác sử dụng vào đánh bạc là : Bị cáo D1: 700.000đồng; bị cáo N2: 500.000,đồng; bị cáo D4: 500.000,đồng; bị cáo D3: 250.000,đồng; bị cáo D5: 500.000đồng; bị cáo L4: 20.000đồng; bị cáo B1: 15.000đồng. Hồi 17 giờ 30 phút, trong khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị Công an huyện Thái Thụy bắt quả tang; toàn bộ số tiền đánh bạc các bị cáo đều bỏ lại trên chiếu bạc và đã bị thu giữ. Các dụng cụ đánh bạc bị thu giữ gồm: 04 quân vị, 01 đĩa sù và 01 bát sù. Các tài sản thu giữ khác là của các bị cáo, không sử dụng vào đánh bạc. Bị cáo Đ1 xác định: Bị cáo là người chuẩn bị 04 quân vị bằng cách cắt quân bài tú lơ khơ; là người lấy 01 bát sù, 01 đĩa sù của nhà bà T4; bị cáo là người cầm cái lúc đầu; sau khi chuyển cho bị cáo D1 cầm cái thì bị cáo chơi 1- 2 ván nữa rồi đi về. Bị cáo mang theo 560.000đồng để đánh bạc; thắng 270.000đồng; toàn bộ số tiền 830.000đồng bị cáo đã chi tiêu hết. Sau khi vụ án bị phát hiện, bị cáo sợ tội nên không nhận và bỏ trốn ; sau này bị cáo đã nhận thấy hành vi vi phạm của mình nên đến đầu thú và trình bày hành vi phạm tội.

Trong quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị T 4 trình bày: Buổi chiều ngày 25/5/2018, bà không có mặt ở nhà, khi đi vắng bà không khóa cửa nên không biết việc các bị cáo vào nhà bà đánh bạc. Bà không yêu cầu đối với bát sù, đĩa sù bị thu giữ.

Bản cáo trạng số 17/CT-VKSTT ngày 29-01-2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố các bị cáo Đ1, D1, N2, D4, D3, D5, B1, L4 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Luận tội của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo; Kiểm sát viên đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Đ1, D1, N2, D4, D3, D5, B1, L4 phạm tội “Đánh bạc”.

-Đề nghị áp dụng:

(1). Hình phạt chính: Áp dụng:

+Khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều

38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đ 1, bị cáo D1, bị cáo D4:

-Xử phạt bị cáo Đ1 từ 07 (Bảy) tháng đến 09 (Chín) tháng tù;

-Xử phạt bị cáo D1 từ 07 (Bảy) tháng đến 09 (Chín) tháng tù;

-Xử phạt bị cáo D4 từ 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù.

+Khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N2 từ 06 (Sáu) tháng đến 08 (Tám) tháng tù.

+Khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50;

Điều 54; Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D3, bị cáo D5:

-Xử phạt bị cáo D3 từ 04 (Bốn) tháng đến dưới 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm;

-Xử phạt bị cáo D5 từ 04 (Bốn) tháng đến dưới 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm.

+Khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s, điểm o khoản 1, khoản 2 Điều 51;

Điều 17; Điều 36; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo B 1, bị cáo L4:

-Xử phạt bị cáo B1 từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ; miễn khẩu trừ thu nhập đối với bị cáo B1;

-Xử phạt bị cáo L4 từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ; miễn khẩu trừ thu nhập đối với bị cáo L4;

(2). Hình phạt bổ sung: Áp dụng: Khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

-Phạt tiền đối với các bị cáo Đ 1, bị cáo D 1, bị cáo N2, bị cáo D4, bị cáo D3, bị cáo D5 mỗi bị cáo từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng.

(3). Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm b, điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

-Tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa sừ, 01 bát sừ, 04 quân vị;

-Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 5.070.000đồng trên chiếu bạc; truy thu từ bị cáo Đ1 số tiền 830.000đồng;

-Trả lại bị cáo D 1: 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu xanh , 01 điện thoại di động Lenovo màu đen, 01 ví da màu đen trong ví có 5.000đồng;

-Trả lại bị cáo D3: 01 điện thoại di động Samsung galaxyJ5 màu trắng;

-Trả lại bị cáo D 5: 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng khác , 01 ví da màu nâu bên trong có 27.000đồng;

-Trả lại bị cáo N2: 01 điện thoại di động Oppo, 01 ví da màu đen;

-Trả lại bị cáo D4: 01 điện thoại di động Sam sung, 01 ví da màu nâu.

-Trả lại bị cáo Đ1: 01 điện thoại di động Sam sung, 01 ví da màu nâu.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra

viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi, tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

-Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều trình bày: Buổi chiều ngày 25-05-2018, tại nhà bà T4, các bị cáo Đ1, D1, N2, D4, D3, D5, B1, L4 đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác của vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo Đ1, D1, N2, D4, D3, D5, B1, L4 là những người đã thực hiện hành vi đánh bạc. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi đó xâm phạm đến trật tự công cộng. Tổng số tiền các bị cáo dùng đánh bạc là 5.070.000 đồng nên hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội: “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy quyết định truy tố các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo điều luật nêu trên là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

“Điều 321. Tội đánh bạc:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”.

[3]. Về vai trò các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đây là vụ đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ. Trong đó:

-Các bị cáo đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

-Các bị cáo đều “*thành khẩn khai báo*”; “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” nên được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Khi phạm tội các bị cáo B1, L4 là người trên 70 tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo Đ1 đầu thú; bị cáo Đ1, D4, L4, B1 có thời gian tham gia Quân đội; bị cáo D1 là con thương binh. Vì vậy, bị cáo Đ1 được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo D1, L4, B1, D1 được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

-Bị cáo Đ1 là người khởi xướng; bị cáo Đ1 và bị cáo D1 là người thực hành tích cực nhất thể hiện ở việc các bị cáo là những người cầm cái cho các bị cáo khác đánh bạc; hai bị cáo đều giữ vai trò chính nên phải chịu hình phạt ngang nhau và cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo N2, D3, D4, D5, B1, L4 tham gia với vai trò là các con bạc nên giữ vai trò thấp hơn các bị cáo Đ1, bị cáo D1. Trong đó: Bị cáo N2, D3, D4 đều tham gia từ đầu đến khi kết thúc nên giữ vai trò ngang nhau nhưng bị cáo D4 có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn nên chịu hình phạt thấp hơn bị cáo N2, bị cáo D3. Bị cáo D5, bị cáo B1, bị cáo L4 là những người tham gia sau cùng nên giữ vai trò thấp hơn các bị cáo N2, D3, D4; trong đó: Bị cáo B1, bị cáo L4 chịu trách nhiệm thấp hơn bị cáo D5.

Sau khi phạm tội, bị cáo Đ1 bỏ trốn, đã bị Cơ quan điều tra truy nã nên cần áp dụng Điều 38 xử phạt tù đối với bị cáo. Bị cáo D1 chưa bị kết án; chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên cần áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Các bị cáo N2, D3, D4, D5, B1, L4 có vai trò thấp hơn bị cáo D1 nên cần áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự về hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo này.

-Hình phạt bổ sung: Cần áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32; Khoản 3 Điều 321; Khoản 2 Điều 35 Bộ luật Hình sự để áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đ1, D1.

[4].Về các vấn đề khác của vụ án:

-Tham gia đánh bạc còn có Giang Văn D7, hiện bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã có quyết định tách ra.

-Các bị cáo đánh bạc tại nhà bà T4 nhưng khi đó bà T4 vắng mặt, bà cũng không biết việc các bị cáo tự vào nhà bà đánh bạc nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà.

[5].Về vật chứng, tài sản tạm giữ:

[5.1]. Cơ quan điều tra đã trả lại bị cáo D1: 01 xe mô tô Exceiter biển kiểm soát 17B6- 11897; đã trả bị cáo D3: 01 xe mô tô SH loại 150i biển kiểm soát 17B6- 13333; đã trả ông B2: 01 điện thoại di động NOKIA bàn phím.

[5.2]. Cơ quan điều tra thu giữ 01 giấy chứng minh nhân dân số 152 113 295 ngày 15- 11 – 2010 do Giám đốc Công an tỉnh Thái Bình cấp cho Tạ Văn Đ1. Đây không phải vật chứng của vụ án nên cần áp dụng khoản 1, Điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại bị cáo Đ1.

[5.3]. Vật chứng vụ án, các tài sản thu giữ đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án huyện Thái Thụy theo biên bản quản lý vật chứng ngày 29/01/2019 gồm có:

+01 chiếc đĩa sứ; 01 bát sứ, 04 quân bài vị; trong đó: Các bị cáo trình bày: 01 chiếc đĩa sứ; 01 bát sứ là của bà T4 nhưng bà không yêu cầu trả lại. Mặt khác, đây là công cụ phạm tội nên cần áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy.

+Số tiền 5.070.000,đồng thu giữ trên chiếu bạc; cần áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

-Trong quá trình tố tụng, Cơ quan điều tra thu giữ từ bị cáo D1: 01 điện thoại di động NOKIA màu xanh, 01 điện thoại di động Lenovo màu đen, 01 ví da màu nâu, 5.000đồng; thu giữ từ bị cáo N2: 01 điện thoại di động SAMSUNG và 01 ví da màu nâu; thu giữ từ bị cáo D3: 01 điện thoại di động SAMSUNG màu trắng; thu giữ từ bị cáo D4: 01 điện thoại di động Oppo, 01 ví da màu đen; thu giữ từ bị cáo D5: 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng khác, 01 ví da màu đen, 27.000đồng; Đây là tài sản của các bị cáo mà không phải vật chứng của vụ án nên cần áp dụng khoản 1, Điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại các bị cáo.

[5.4]. Bị cáo Đ1 trình bày: Bị cáo sử dụng 560.000đồng vào đánh bạc ; số tiền thắng bạc là 270.000đồng. Cần áp dụng Điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điểm a Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu từ bị cáo Đồng số tiền 830.000đồng (=560.000đồng+270.000đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

[5.5]. Chiếc kéo mà bị cáo Đ1 sử dụng để cắt quân vị , Cơ quan điều tra không thu giữ.

[6].Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Tạ Văn Đ1, bị cáo Lê Hồng D1, bị cáo Trần Viết N2 (Tên gọi khác : Đ2), bị cáo Ngô Xuân D3, bị cáo Nguyễn Minh D4, bị cáo Nguyễn Văn D5, bị cáo Nguyễn Văn B1, bị cáo Bùi Quang L4 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Xử phạt:

2.1). Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Tạ Văn Đ1: 06(Sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 29-12-2018.

2.2). Áp dụng: Khoản 1; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 65; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Lê Hồng D1: 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo; thử thách 01 (Một) năm; thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 13 tháng 03 năm 2019. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M1, huyện T2, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

2.3). Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm b khoản 1 Điều 32; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo N2, D3.

-Xử phạt bị cáo Trần Viết N2 (Tên gọi khác : Đ2): 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng).

-Xử phạt bị cáo Ngô Xuân D3: 70.000.000đồng (Bảy mươi triệu đồng).

2.4). Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm b khoản 1 Điều 32; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh D4: 65.000.000đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng).

2.5). Áp dụng: Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm b khoản 1 Điều 32; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D5: 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

2.6). Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, điểm o, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm b khoản 1 Điều 32; Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bảnh, bị cáo Lịch.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1: 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

-Xử phạt bị cáo Bùi Văn L4: 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng).

2.7). Hình phạt bổ sung: Áp dụng: Khoản 3 Điều 321, Điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 2, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đông , Duẩn.

-Phạt tiền bị cáo Đ1: 10.000.000,đồng (Mười triệu đồng).

-Phạt tiền bị cáo D1: 20.000.000,đồng (Hai mươi triệu đồng).

3). Các vấn đề trong thi hành án treo:

3.1). -Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú trong phạm vi huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện để làm thủ tục chuyển giao hồ sơ thi hành án treo cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người được hưởng án treo đến cư trú để giám sát, giáo dục.

-Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 Luật Thi hành án hình sự và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

3.2). Hậu quả của việc vi phạm nghĩa vụ trong thời gian thử thách của án treo: Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Khoản 1, điểm a Khoản 2, Điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

4.1). Trả lại bị cáo Đ1: 01 giấy chứng minh nhân dân số 152 113 295 ngày 15- 11- 2010 do Giám đốc Công an tỉnh Thái Bình cấp cho Tạ Văn Đ1.

4.2). Các vật chứng hiện đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29 tháng 01 năm 2019 được xử lý như sau:

-Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc đĩa sứ; 01 bát sứ, 04 quân bài vị;

-Tích thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 5.070.000,đồng thu giữ trên chiếu bực.

-Trả lại cho bị cáo D1: 01 điện thoại di động NOKIA, 01 điện thoại di động Lenovo, 01 ví da màu nâu và 5.000đồng;

-Trả lại cho bị cáo N2: 01 điện thoại di động SAMSUNG và 01 ví da màu nâu;

-Trả lại cho bị cáo D3: 01 điện thoại di động SAMSUNG màu trắng;

-Trả lại cho bị cáo D4: 01 điện thoại di động Oppo, 01 ví da màu đen;

-Trả lại cho bị cáo D5: 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng, 01 điện thoại di động Iphone 6 Plus màu vàng khác, 01 ví da màu đen, 27.000đồng;
4.3). Tích thu từ bị cáo Đ1: 830.000,đồng nộp vào ngân sách nhà nước.

5. Về án phí: Áp dụng: Khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1, Điều 21; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo Đ1, D1, N2, D4, D3, D5, B1, L4 mỗi bị cáo phải chịu 200.000,đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6.Về nghĩa vụ thi hành án:

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Đ1, D1, N2, D4, D3, D5, B1, L4 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản sao bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra-Công an

huyện Thái Thụy;
-Cơ quan thi hành án hình sự;
-Chi cục Thi hành án dân sự
huyện Thái Thụy;
-Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Văn Tòng